

Phụ lục III

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT- BGDDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA NN-VH-NT KHMER NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 01 tháng 02 năm 2021

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Tôn giáo học
Mã số: 7229009
Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: **Ban Giám hiệu**

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Trà Vinh được hình thành và phát triển từ Trường Cao đẳng Cộng đồng Trà Vinh. Sau 5 năm triển khai thành công Dự án Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam - Canada do chính phủ Canada và Chính phủ Việt Nam đồng tài trợ, cùng với nhu cầu cấp thiết về phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh nhà cũng như nhu cầu về nguồn nhân lực thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, Trường Đại học Trà Vinh được chính thức thành lập theo Quyết định 141/QĐ/2006-TTg ngày 19/6/2006 của Thủ tướng chính phủ và trở thành một trong những trường đại học **CÔNG LẬP** trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Trường đã và đang hoạt động theo mô hình đa cấp, đa ngành, đa phương thức đào tạo từ bậc cao đẳng, đại học, sau đại học, với nhiệm vụ đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề cao, nghiên cứu khoa học và ứng dụng; cung cấp các dịch vụ góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Trà Vinh và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng cũng như cả nước nói chung.

Ngày 13/04/2017 - Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh, với mục tiêu của đề án là phát triển Trường Đại học Trà Vinh thành trường đại học định hướng ứng dụng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập, nghiên cứu tại Trường.

Đại học Trà Vinh là trường đại học **CÔNG LẬP**, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép **TUYÊN SINH TRÊN TOÀN**

QUỐC với 23 ngành bậc sau đại học, 55 ngành bậc đại học và 01 ngành bậc cao đẳng (Giáo dục mầm non), tập trung ở các nhóm ngành như: Nông nghiệp - Thủy sản, Kỹ thuật & Công nghệ, Y - Dược, Ngoại ngữ, Ngôn ngữ - Văn hoá - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Nhà hàng – Khách sạn – Du lịch lữ hành; Kinh tế - Luật, Hoá học Ứng dụng, Sư phạm, Quản trị Văn phòng - Việt Nam học - Thư viện, Lý luận Chính trị, Khoa học Cơ bản.

Tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực: Nhà trường hiện có 13 khoa: Nông nghiệp - Thủy sản, Kỹ thuật và Công nghệ, Y - Dược, Kinh tế - Luật, Ngoại ngữ, Hóa học ứng dụng, Khoa học cơ bản, Sư phạm, Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Quản lý nhà nước, Quản trị văn phòng, Lý luận chính trị, Răng – Hàm – Mặt, Dự bị đại học. Có 12 phòng, 03 ban chức năng, 03 hội đồng, 11 trung tâm và một số đơn vị trực thuộc khác như: Viện Phát triển nguồn lực, Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh, Trường Thực hành Sư phạm, Tạp chí Khoa học, Thư viện, Ký túc xá (4300 chỗ). Trường có 03 khu, cơ sở chính của Trường là khu I tọa lạc tại địa chỉ số 126, Nguyễn Thiện Thành, phường 5, thành phố Trà Vinh. Ngoài ra, Trường còn có 02 chi nhánh đặt tại huyện Duyên Hải và Cầu Ngang.

Với tổng diện tích gần 53 ha, Đại học Trà Vinh gồm các công trình: khối các phòng, khoa, viện, trung tâm, Trường Thực hành Sư phạm, Ký túc xá, Trung tâm học liệu, Giảng đường, Khu thực hành - thí nghiệm, Nhà học..., đã được lãnh đạo trung ương cùng với lãnh đạo địa phương chủ trương phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng, một số đã hoàn thành và chính thức đưa vào sử dụng cùng với việc mua sắm trang thiết bị đồng bộ và một số công trình đang được xúc tiến. Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đã đáp ứng tốt được yêu cầu cho công tác đào tạo của nhà trường.

Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức tham gia công tác đào tạo từ năm 2006 là 369 người. Đến nay, đội ngũ đã tăng lên hơn 1000 người. Với tinh thần đoàn kết, nhiệt huyết và năng động, tập thể cán bộ giảng viên vừa tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học vừa tăng cường học tập nâng cao trình độ tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế và hiện tại Trường đã đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về năng lực đào tạo của nhà trường.

Giới thiệu về Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa – Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ thuộc Trường Đại học Trà Vinh được thành lập theo Quyết định số 1209/QĐ-ĐHTV, ngày 30/7/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh trên cơ sở tách từ Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ và Khoa học Cơ bản thuộc Trường Đại học Trà Vinh. Khoa thực hiện chức năng và nhiệm vụ sau:

a). Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; Tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường.

b). Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

c). Quản lý giảng viên, giáo viên, cán bộ nhân viên và sinh viên - học sinh thuộc khoa mình phụ trách.

d). Tổ chức khảo sát, đánh giá nhu cầu lao động, gắn kết giữa khoa, bộ môn, giảng viên và nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động nhằm giúp cho chương trình đào tạo sát với thực tế và đáp ứng tốt nhu cầu nhà tuyển dụng; Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học.

đ). Biên soạn chương trình, giáo trình môn học, tài liệu giảng dạy. Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học.

e). Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ, nhân viên và sinh viên - học sinh, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, giáo viên, cán bộ, nhân viên thuộc khoa.

f). Quản lý và sử dụng an toàn, có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật thuộc phạm vi khoa phụ trách.

g). Phối hợp với các phòng, khoa, đơn vị thuộc trường xây dựng Trường Đại học Trà Vinh ngày càng lớn mạnh; gắn kết với cộng đồng xã hội, nhà tuyển dụng, các đơn vị và cá nhân trong và ngoài nước, nhằm nâng cao uy tín, vị trí của Trường Đại học Trà Vinh.

2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Trà Vinh hiện là trường công lập duy nhất tại Việt Nam đào tạo các chuyên ngành đặc thù thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ, Văn hóa, Nghệ thuật Khmer Nam Bộ từ bậc trung cấp đến sau đại học. Ngoài ra, để thực hiện Công văn số 8425/VPCP-KGVX ngày 08/10/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc đầu tư xây dựng Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ thuộc Trường Đại học Trà Vinh thực hiện nhiệm vụ trọng điểm quốc gia đào tạo nguồn nhân lực về ngôn ngữ - văn hoá Khmer. Từ năm 2012 đến nay, Trường đã thực hiện các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học từ bậc cử nhân đến sau đại học. Cụ thể, có 02 mã ngành bậc tiến sĩ; 02 mã ngành bậc thạc sĩ; 10 mã ngành bậc đại học (Sư phạm tiếng Khmer, Ngôn ngữ Khmer, Sư phạm Ngữ văn, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Âm nhạc học, Văn hoá các Dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn hoá học, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống). Việc mở ngành Tôn giáo học hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường Đại học Trà Vinh và cũng nằm trong chuỗi các hoạt động giúp Trường thực hiện nhiệm vụ trọng điểm quốc gia đã được Chính phủ giao phó.

2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

Trong Nghị quyết số 25 – NQ/ TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác tôn giáo có nêu rõ:

Qua các giai đoạn cách mạng, Đảng và nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, chính sách “tín ngưỡng, tự do, lương giáo đoàn kết” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề tôn giáo có những nội dung mới. Năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24 về công tác tôn giáo, xác định “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”, “các giáo hội và tổ chức tôn giáo nào có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp Nhà nước, có tổ chức phù hợp và bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về cả hai mặt đạo, đời thì sẽ được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động”.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc... hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đạt được nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên; tình hình hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định. Một số người chưa tuân thủ pháp luật, còn tổ chức truyền đạo trái phép; còn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan.

Có tình hình trên đây là do: công tác tôn giáo chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, trong khi các thế lực thù địch ráo riết tranh thủ, giành giật, lôi kéo quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo. Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn trong giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo; có nơi lại hữu khuynh, thụ động, buông lỏng quản lý. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo chậm được thể chế hóa.

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

Từ thực tế trên, nghị quyết cũng đề ra một số giải pháp cụ thể như:

- Tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo
- Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác tôn giáo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình tổ chức quản lý nhà nước về tôn giáo ở các cấp; xây dựng quy chế phối hợp phát huy sức mạnh và hiệu quả công tác.
- Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, Sử dụng và bảo đảm chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo.
- Quan tâm thỏa đáng việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp. Cán bộ làm công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải được bồi dưỡng, huấn luyện để hiểu biết phong tục tập quán, tiếng nói của dân tộc nơi mình công tác.

Vấn đề tôn giáo luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, cụ thể có nhiều quyết định, nghị định được ban hành về luật tín ngưỡng, tôn giáo như sau:

- Quyết định số 306/ QĐ-TTg ngày 8/3/2017 ban hành kế hoạch triển khai thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo;

- Nghị định 162/ NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Quan trọng hơn hết, năm 2017, Thủ tướng chính phủ ban hành quyết định số 174/ QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017-2020. Mục tiêu chung của đề án nhằm Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo theo quy định, nâng cao hiệu quả xử lý các vụ việc tôn giáo, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết còn nêu một số mục tiêu cụ thể như sau:

- Bồi dưỡng kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tôn giáo; kỹ năng, nghiệp vụ công tác tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.

- Cập nhật, nâng cao kiến thức về tôn giáo hàng năm cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.

- Bồi dưỡng kỹ năng thực tế xử lý các vụ việc tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.

- Thực hiện bồi dưỡng khoảng 25.700 lượt cán bộ, công chức, trong đó:

- Tối thiểu 95% công chức làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;

- Tối thiểu 95% cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo của ban, ngành, đoàn thể ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ làm công tác tôn giáo thuộc lực lượng công an, quân đội;

- Tối thiểu 90% cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công tác tôn giáo ở cấp cơ sở.

Bên cạnh đó, xây dựng đội ngũ nhân lực có chất lượng, có kiến thức chuyên ngành về tôn giáo, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo là hết sức cần thiết.

Kết quả điều tra dân số, nhà ở năm 2019, Việt Nam có 16 tôn giáo được phép hoạt động, có 13,2 triệu người theo tôn giáo, chiếm 13,7% tổng dân số cả nước. Trong đó, Công giáo có 5,9 triệu người, chiếm 44,6% tổng số người theo tôn giáo và chiếm 6,1% tổng dân số cả nước. Phật giáo có 4,6 triệu người, chiếm 35,0% tổng số người theo tôn giáo và chiếm 4,8% dân số cả nước. Các tôn giáo còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ¹. Riêng tỉnh Trà Vinh có 377 cơ sở thờ tự. Trong đó: Phật giáo 255 (Phật giáo Bắc Tông 114; Phật giáo Nam tông 143; Nam Tông người Kinh 04, Thiên phái Trúc lâm Yên tử 01), Công giáo 46; Cao đài 47 (1 chưa hoàn nguyên); Tịnh độ Cư sĩ Phật học 17; Tin lành 03 (và 8 điểm họp nhóm tập trung); Hồi giáo 01; Tứ Ân Hiếu Nghĩa 01. Tổng số tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh chiếm 59% dân số chung của tỉnh².

¹ <http://tongdieutradanso.vn/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019.html>

² Ban tôn giáo tỉnh Trà Vinh.

Trà Vinh là tỉnh có đông đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo. Toàn tỉnh có 465 cơ sở tín ngưỡng với loại hình: thờ Thành Hoàng, thờ tổ tiên, thờ mẫu...; có 373 cơ sở tôn giáo 12 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, cụ thể như: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin Lành, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Hồi giáo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hoà Hảo, trong đó: Phật giáo 258 (Phật giáo Nam tông Khmer 143; Phật giáo Bắc tông 115), Công giáo 46 và 1 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, Cao Đài 47; Tin Lành 03 và 10 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam 17, Hồi giáo 01 và 01 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, Tứ Ân Hiếu Nghĩa 01; với 4.373 chức sắc, chức việc, nhà tu hành và 596.325 tín đồ, chiếm 59,1% so với dân số của tỉnh.

Năm 2020 Sở Nội vụ Trà Vinh ban hành Kế hoạch số 03/KH-SNV ngày 17-01-2020 về công tác nội vụ năm 2020 với 09 nội dung liên quan đến lĩnh vực tôn giáo; kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo cấp huyện và cơ sở theo Quyết định 174/QĐ-TTg, ngày 9-02-2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017-2020”... Trên thực tế hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở các cấp phần nhiều còn thiếu, yếu về kỹ năng, nghiệp vụ, chưa nắm vững tập tục, lễ nghi cũng như hoạt động của các loại hình tín ngưỡng; chưa nhận diện được tín ngưỡng và tôn giáo, các quy định của pháp luật để điều chỉnh các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nên hiệu quả công tác chưa cao.

Từ nhu cầu thực tiễn trên, vào đầu năm 2021, Đại diện Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Trà Vinh đề nghị mở mã ngành Tôn giáo học bậc Đại học (đề nghị số 63/ ĐN-BTS) để đào tạo Tăng Ni trẻ nhằm trang bị kiến thức trong lĩnh vực tôn giáo, phục vụ đạo pháp và dân tộc.

Như vậy, việc đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực tôn giáo là phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia:

Thứ nhất: Đào tạo nguồn nhân về tôn giáo là nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu hoạch định chính sách về tôn giáo là điều cần thiết cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay; phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của nhân dân, với đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước như tinh thần của Nghị quyết số 25 – NQ/ TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác tôn giáo.

Thứ 2: Nhu cầu đào tạo nhân tài trong các tôn giáo ngày nay rất lớn. Các tôn giáo muốn hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững đòi hỏi phải có một đội ngũ chức sắc, chức việc có trình độ, chuyên môn và am hiểu sâu sắc trí thức tôn giáo làm cơ sở để điều hành, quản lý hoạt động trong tôn giáo.

Thứ 3: Ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu về học tập và nghiên cứu về tôn giáo của nhân dân địa phương, vùng và cả nước.

Chương trình Tôn giáo học bậc đào tạo ở trình độ Cử nhân được đào tạo tại trường Đại học Trà Vinh đáp ứng nhu cầu cần thiết của địa phương- nơi có đông đồng bào có tín ngưỡng tôn giáo; chương trình đáp ứng nhu cầu học tập chính quy của các chức sắc, chức việc; nhu cầu học tập nâng cao kiến thức tôn giáo về lý luận và thực tiễn cho các cán bộ làm công tác trên địa bàn tỉnh; đồng thời, việc xây dựng, đào tạo

chương trình Tôn giáo học đúng với phương tâm đào tạo của Nhà trường được tuyên bố: mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

II.1. Năng lực của cơ sở đào tạo

1. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Huệ 1972, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2011, Việt Nam	Ngôn ngữ học	2006, Trường Đại học Trà Vinh	
2.	Lâm Quang Vinh, 1980, Phó Trưởng Khoa	ThS, 2008, Việt Nam	Văn hóa học	2005, Trường Đại học Trà Vinh	
3.	Phan An, 1944, Giảng viên	PGS, 1996, Việt Nam	Dân tộc học	2012, Trường Đại học Trà Vinh	
4.	Trần Hồng Liên, 1953, Giảng viên	PGS, 2009, Việt Nam	Dân tộc học	2012, Trường Đại học Trà Vinh	
5.	Nguyễn Xuân Hương, 1963, Giảng viên	PGS, 2016, Việt Nam	Văn hóa học	2014, Trường Đại học Trà Vinh	
6.	Lê Thuý Hằng, 1986, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Triết học	2013, Trường Đại học Trà Vinh	
7.	Lê Thuý An, 1984, Phó Trưởng Bộ môn	TS, 2021, Việt Nam	Văn hóa học	2011, Trường Đại học Trà Vinh	
8.	Lâm Thị Thu Hiền, 1984, Giảng viên	ThS, 2016, Việt Nam	Văn hóa học	2008, Trường Đại học Trà Vinh	
9.	Kiều Văn Đạt, 1978, Giảng viên	Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Lịch sử	2011, Trường Đại học Trà Vinh	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú
10.	Thạch Thị Rọ Mu Ni, 1989, Giảng viên	Thạc sĩ, 2018, Việt Nam	Văn hóa học	2012, Trường Đại học Trà Vinh	
11.	Nguyễn Đình Chiêu, 1990, Giảng viên	ThS, 2016, Việt Nam	Văn hóa học	2014, Trường Đại học Trà Vinh	
12.	Lê Văn Sao, 1984, Giảng viên	ThS, 2015, Việt Nam	Văn hóa học	2011, Trường Đại học Trà Vinh	
13.	Nguyễn Mai Như Ái, 1984, Giảng viên	ThS, 2019, Việt Nam	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc	2018, Trường Đại học Trà Vinh	
14.	Bạch Thanh Sang, 1977, Giảng viên	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Tôn giáo học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
15.	Lê Văn Tịnh, 1969, Giảng viên	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tôn giáo học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
16.	Kiên Ngọc Khánh, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tôn giáo học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
17.	Nguyễn Thanh Lâm, 1983, Giảng viên	Thạc sĩ, 2020, Việt Nam	Tôn giáo học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
18.	Lê Văn Hữu, 1957, Giảng viên	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Văn hóa học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
19.	Trần Văn Trung, 1982, Giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Văn hóa học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú
20.	Dương Mỹ Pha, 1982, Giảng viên	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Văn hóa học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
21.	Lê Chí Quyết, 1986, Giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Văn hóa học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
22.	Thạch Ngọc Dũng, 1972,	Thạc sĩ, 2018, Việt Nam	Văn hóa học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	
23.	Võ Thành Hùng, 1959, Giảng viên	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Văn hóa học	2021, Trường Đại học Trà Vinh	

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường:

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1.	Phòng học	174	11.151	Bàn, ghế Máy lạnh Máy chiếu Âm thanh	6.076 101 90 13	Tất cả các học phần
2.	Hội trường					
3.	Hội trường Khoa Nông nghiệp Thủy sản	1	172	Bàn, ghế Âm thanh Máy lạnh	71 1 4	Khu biểu diễn, tổ chức sự kiện
4.	Hội trường E2	4	825.5	Bàn, ghế Máy chiếu Âm thanh Máy lạnh Màn hình led	781 3 4 23 1	
5.	Hội trường D5	1	1.041	Bàn, ghế Màn hình led Âm thanh Máy lạnh	950 1 1 20	
6.	Hội trường B7	1	210	Bàn, ghế	150	

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
				Màn hình led Âm thanh Máy lạnh	1 1 8	
7.	Phòng máy tính, phòng lab	17	882	Máy vi tính Máy chiếu Máy lạnh	499	Thực hành tin học, ứng dụng CNTT trong nghiên cứu tra cứu tư liệu

2.2. Phòng thực hành thí nghiệm

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ / học phần	
1.	Phòng trưng bày hiện vật (E21.106)	100,75	Hiện vật	200	Học phần nghiên cứu kinh điển chuyên ngành	
2.	Trung tâm văn hóa miền tây (E31.204)	100	Sách kinh điển	5.090		
3.	Hội trường E21.105	182	Bàn, ghế Âm thanh Máy lạnh Màn hình led	200 1 10 1	Khu biểu diễn, tổ chức sự kiện	
4.	Phòng máy tính, phòng lab	882	Máy vi tính Máy chiếu Máy lạnh	499	Thực hành tin học, ứng dụng CNTT trong nghiên cứu tra cứu tư liệu	

3. Thư viện, giáo trình

- Diện tích thư viện: 5167 m²; Diện tích phòng đọc: 576 m²
- Số chỗ ngồi: 1.000; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 115
- Phần mềm quản lý thư viện: Ilib
- Thư viện điện tử: <http://lib.tvu.edu.vn>
- Số lượng đầu sách các loại: 34.260
- Tổng số bản sách các loại: 95.282
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 25 bộ sưu tập số
- Cơ sở dữ liệu: cơ sở dữ liệu trực tuyến ScienceDirect

Danh mục sách, giáo trình phục vụ ngành đào tạo

Số TT	Tên Sách, giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần	Ghi chú
1.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016	Triết học Mác – Lênin	
2.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Giáo dục	1998	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
3.	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo dục	2008	Lịch sử văn minh thế giới	
4.	Tôn giáo học đại cương	Hoàng Ngọc Vĩnh	Đại học Huế	2009	Tôn giáo học đại cương	
5.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân	Tp Hồ Chí Minh	1995	Thực hành văn bản tiếng Việt	
6.	Nhập môn Logic học	Lê Tử Thành	Trẻ	2005	Logic học đại cương	
7.	Nhân học xã hội – văn hóa,	Jonh Monaghan & Peter Just (Tiết Hùng Thái dịch)	Tri thức, Hà Nội.	2018	Nhân học văn hóa – xã hội	
8.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
9.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm Hà Nội	2015	Pháp luật đại cương	
10.	Tâm lý học đại cương	Phan Thị Kim Ngân	Khoa học Xã hội	1997	Tâm lý học đại cương	
11.	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	2007	Tâm lý học đại cương	
12.	Đạo đức học	Trần Hậu Kiêm (Chủ biên)	Giáo dục	2002	Đạo đức học	

13.	Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng	XA. TÔCAREV	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	1994	Các hình thái tôn giáo trong lịch sử	
14.	Giáo trình Giáo dục học đại cương	Trần Thị Hương (chủ biên) (2009)	Đại học Sư phạm.	2009	Giáo dục học đại cương	
15.	Từ điển Hán – Việt,	Đào Duy Anh	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.	2002	Hán văn cơ sở	
16.	Giáo trình tiếng Hán, tập I: cơ sở	Nguyễn Tri Tài	Đại học Quốc gia TP.HCM	2012	Hán văn cơ sở	
17.	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	Nguyễn Minh Tường	Khoa học xã hội.	2012	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	
18.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016	Chủ nghĩa xã hội Khoa học	
19.	Những vấn đề Nhân học tôn giáo	Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam	Đà Nẵng	2006	Nhân học tôn giáo	
20.	Giáo trình Lý thuyết thống kê	Trần Văn Thắng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	Phương pháp thống kê trong tôn giáo	
21.	Văn hóa tôn giáo trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam hiện nay	Lê Văn Lợi	Chính trị - Hành chính, Hà Nội.	2012	Giá trị tôn giáo trong đời sống xã hội	
22.	Đại cương lịch sử Việt Nam tập 1	Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh	Giáo dục, Hà Nội.	1997	Diễn trình lịch sử Việt Nam	
23.	Đạo Phật và môi trường	Tê Quân (Thích Nhuận Đạt dịch)	Tổng hợp Thành Phố Hồ Chí Minh	2010	Tôn giáo và môi trường	
24.	Hiện tượng con người	Pierre Teilhard de Chardin, Đặng Xuân Thảo dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính	Tri thức.	2014	Tôn giáo và khoa học	

25.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2017	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
26.	Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	Văn hóa Thông tin, Hà Nội.	2001	Lý luận chung về tôn giáo, tín ngưỡng	
27.	Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	Khoa học Xã hội, Hà Nội.	2001	Lý luận chung về tôn giáo, tín ngưỡng	
28.	Nghiên cứu Triết học Tôn giáo	TS. Lê Văn Tùng	NXB Tôn giáo	2018	Triết học tôn giáo	
29.	Một số vấn đề Triết học Tôn giáo	Trần Quang Thái	Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2011		
30.	Phật giáo vùng Mê – Kông: ý thức môi trường và toàn cầu hóa	Nhiều tác giả	Đại học Quốc gia TP HCM	2015	Sinh thái học tôn giáo	
31.	Tư duy đạo đức vì sao những người tốt bị chia rẽ bởi chính trị và tôn giáo	Jonathan Haidt, Trương Thúy Ngân dịch	Chính trị Quốc gia Sự thật.	2019	Tôn giáo và đạo đức	
32.	Văn hóa tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu	Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại	Tôn giáo, Hà Nội	2009		
33.	Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đức Lữ (chủ biên)	Tôn giáo, Hà Nội	2007		
34.	Nghiên cứu biểu tượng – một số hướng tiếp cận lý thuyết	Đình Hồng Hải	Thế giới, Hà Nội.	2014	Biểu tượng tôn giáo	
35.	Tài liệu giảng dạy Tôn giáo với khoa học và công nghệ	Thạch Thị Rọ Mu Ni	Trường Đại học Trà Vinh, lưu hành nội bộ	2020	Tôn giáo với khoa học và công nghệ	
36.	Tài liệu giảng dạy Kỹ năng lãnh đạo trong tôn giáo	Trần Hồng Liên	Trường Đại học Trà Vinh, lưu hành nội bộ	2020	Kỹ năng lãnh đạo trong tôn giáo	
37.	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội	2016	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	

38.	Giáo trình Tôn giáo học	Trần Đăng Sinh – Đào Đức Doan	Đại học Sư phạm	2014	Lịch sử các tổ chức tôn giáo	
39.	Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam	Lê Như Hoa (chủ biên)	Văn hóa thông tin, Hà Nội	2001	Tín ngưỡng dân gian Việt Nam	
40.	Sách trắng Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam.	Ban Tôn giáo Chính phủ	Ban Tôn giáo Chính phủ	2006	Tôn giáo trong cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam	
41.	Đạo giáo nhập môn	Trương Đạo Quả	Hồng Đức	2012	Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam	
42.	Nho giáo	Trần Trọng Kim	Văn Học	2017		
43.	Việt Nam Phật giáo sử luận	Nguyễn Lang	Hồng Đức, Hà Nội	2019	Phật giáo ở Việt Nam	
44.	Lịch sử Phật Giáo Việt Nam tập 1, 2, 3	Lê Mạnh Thát	Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh	1999		
45.	Phật giáo Việt Nam – Góc nhìn lịch sử và văn hóa	Trần Thuận (2019),	Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh	2019		
46.	Giá trị của Phật giáo đối với Công tác xã hội trong xu thế toàn cầu hóa	Nguyễn Hồi Loan (chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội.	2015	Công tác xã hội của tôn giáo ở Việt Nam	
47.	Một số tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Thanh Xuân	Tôn giáo, Hà Nội.	2007	Giới thiệu chung về kinh sách của tôn giáo	
48.	Tôn giáo và quan hệ quốc tế	Lê Thanh Bình, Đỗ Thanh Hải	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2012	Vai trò của Tôn giáo và trong quan hệ quốc tế	
49.	Tôn giáo học so sánh	Pháp sư Thánh Nghiêm- Đỗ Khương Mạnh Linh (dịch)	Hồng Đức	2017	Tôn giáo học so sánh	
50.	Di tích kiến trúc nghệ thuật Việt Nam	Hoàng Duy	Văn hóa dân tộc.	2005	Nghệ thuật kiến trúc tôn giáo	
51.	Kiến trúc Phật giáo Việt Nam tập I	Nguyễn Bá Lăng	Viện Đại học Vạn Hạnh	1972		

52.	Tài liệu giảng dạy Xử lý khủng hoảng trong tôn giáo	Nguyễn Đình Chiểu	Trường Đại học Trà Vinh, lưu hành nội bộ	2020	Xử lý khủng hoảng trong tôn giáo	
53.	Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	Văn hóa Thông tin, Hà Nội.	2001	Nghiên cứu thực tế	
54.	Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam	Đặng Nghiêm Vạn	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2003	Chủ nghĩa Hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới	
55.	Một số tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Thanh Xuân	Tôn giáo, Hà Nội.	2007		
56.	Văn bản pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng	Ban Tôn giáo Chính phủ	Tôn giáo, Hà Nội.	2008	Công ước quốc tế về tự do tín ngưỡng, tôn giáo	
57.	Giáo trình Văn hóa du lịch	Hoàng Văn Thành	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2014	Văn hóa du lịch tâm linh	
58.	Tôn giáo- Tín ngưỡng của các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Mạnh Cường và Nguyễn Minh Ngọc	Văn hóa Thông tin	2005	Văn hóa tín ngưỡng ở Nam Bộ	
59.	Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam	Ngô Đức Thịnh (chủ biên)	Khoa học Xã hội, Hà Nội.	2001		
60.	Đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học Xã hội, Hà Nội	2018	Văn hóa tín ngưỡng ở Nam Bộ	
61.	Dẫn luận về Ki tô giáo	Christianity	Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.	2014	Công giáo ở Việt Nam	
62.	Tài liệu giảng dạy Phát triển nhân tài trong tôn giáo	Phan An	Trường Đại học Trà Vinh, lưu hành nội bộ	2020	Phát triển nhân tài trong tôn giáo	
63.	Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	Thư viện Pháp luật.	2016	Luật tín ngưỡng, tôn giáo và nghiệp vụ công tác tôn giáo	
64.	Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	Thư viện Pháp luật.	2016	Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo	

65.	Cơ sở lý luận Báo chí (Giáo trình- tái bản, sửa chữa, bổ sung)	Nguyễn Văn Hà	Đại học Quốc gia TP.HCM	2013	Báo chí và truyền thông của tôn giáo
66.	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	Nguyễn Thị Mỹ Liêm	Âm nhạc.	2014	Nghệ thuật âm nhạc tôn giáo
67.	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	Lê Mạnh Thát	TP.HCM	2001	
68.	Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới	Nhiều tác giả	Đại học Quốc gia TP.HCM	2014	Tôn giáo mới ở Việt Nam
69.	Đạo Hồi – tri thức cơ bản	Nguyễn Bình	Từ điển bách khoa.	2012	Hồi giáo ở Việt Nam
70.	Phật giáo Nam tông tại Đông Nam Á	Trần Quang Thuận	Tôn giáo.	2008	Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ
71.	Tôn giáo- Tín ngưỡng của các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc	Phương Đông.	2005	
72.	Đạo Tin lành – tri thức cơ bản	Phạm Gia Thoan	Từ điển bách khoa.	2012	Đạo Tin Lành ở Việt Nam
73.	Tìm hiểu mỹ thuật Phật giáo,	Phan Quang Định (biên dịch)	Mỹ Thuật	2005	Quan niệm về Thiện – Mỹ qua biểu tượng của Mỹ thuật và văn chương Phật giáo dân tộc
74.	Tổng Tập Văn học Phật Giáo Việt Nam (tập 1,2,3),	Lê Mạnh Thát	Thành phố Hồ Chí Minh	2001	
75.	Tôn giáo với đời sống chính trị-xã hội ở một số nước trên thế giới	Nguyễn Văn Dũng	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2012	Tôn giáo, tín ngưỡng: những vấn đề lý luận và thực tiễn
76.	Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam	Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Tôn giáo, Hà Nội.	2011	
77.	Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam,	Ngô Đức Thịnh (Chủ biên)	Khoa học Xã hội, Hà Nội.	2001	
78.	Tôn giáo với đời sống chính trị-xã hội ở một số nước trên thế giới	Nguyễn Văn Dũng	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2012	Tôn giáo, tín ngưỡng: Lịch sử và hiện tại

79.	Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	Văn hóa Thông tin, Hà Nội.	2001		
80.	Chúng ta phải làm gì trước những tệ nạn xã hội	K.Sri.Dhamananda, Thích Tâm Quang dịch	Tôn giáo, Hà Nội.	2006	Công tác từ thiện xã hội và giáo dục đào tạo trong tôn giáo	
81.	Sức mạnh của đạo Phật để sống tốt hơn trong thế giới ngày nay,	Dalai Lama, Jean – Claude Carrière	Phương Đông.	2008		
82.	Tôn giáo học từ nhiều cách tiếp cận	Peter Connolly (chủ biên), Chu Tiên Ánh dịch	Tri thức.	2018		
83.	Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính	Tp Hồ Chí Minh.	1992	Tín ngưỡng, tôn giáo bản địa 54 dân tộc Việt Nam và lễ tục vòng đời	
84.	Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	Văn hóa Thông tin, Hà Nội.	2001		
85.	Nghi lễ vòng đời người	Lê Trung Vũ	Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.	2007		
86.	Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam- Lý luận và thực tiễn,	Đỗ Quang Hưng	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2005	Quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và giáo hội tôn giáo	
87.	Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam	Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Tôn giáo, Hà Nội.	2011		

4. Nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học được nhà trường đặc biệt chú trọng. Trong 5 năm trở lại đây, công tác nghiên cứu khoa học đạt được nhiều thành tựu, Trường đã triển khai thực hiện gần 100 đề tài ở các cấp thuộc các lĩnh vực nghiên cứu. Trong đó, có một số đề tài ứng dụng được chuyển giao khoa học công nghệ vào thực tiễn, tiêu biểu như: Mô hình sản xuất lúa chuẩn VietGap, mô hình Nuôi cấy phôi dừa sấp, mô hình sản xuất rau an toàn, mô hình sinh viên trồng dưa tự quản, mô hình trồng nấm bào ngư, mô hình nuôi cua biển tại Duyên Hải, nghiên cứu và sản xuất thành công nấm đông trùng hạ thảo, sản xuất thành công tôm sú bố mẹ sạch bệnh,... đã góp phần mang lại hiệu quả kinh tế nhất định trong sản xuất trên địa bàn Tỉnh. Có hàng trăm bài báo khoa học của cán bộ giảng viên đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Từ năm 2011, Trường được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép xuất bản Tạp chí khoa học với chỉ số ISSN:1859-4816. Đến nay, Tạp chí khoa học của Trường đã được Hội đồng Chức danh giáo sư ngành công nhận là

một trong những tạp chí khoa học được tính điểm công trình cho ngành Văn hóa học và Văn học.

Cùng với hoạt động giảng dạy, trong thời gian qua, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa – Nghệ thuật Khmer Nam Bộ đặc biệt chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu và giáo trình giảng dạy. Ngoài thực hiện nhiệm vụ chính của giảng viên, hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Khoa còn giúp tăng cường vốn tri thức, tập hợp nguồn tài liệu liên quan các lĩnh vực Khoa đang phụ trách đào tạo như: văn hóa, tôn giáo, du lịch, ngôn ngữ, nghệ thuật và phương pháp giảng dạy. Đồng thời, việc đẩy mạnh công tác biên soạn tài liệu và giáo trình giảng dạy giúp Khoa dần chủ động nguồn tài liệu giảng dạy, hướng đến hình thành kho học liệu về ngôn ngữ, văn hóa và nghệ thuật Tây Nam Bộ. Sau 07 năm hình thành và phát triển, Khoa đã đạt được một số kết quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học như sau:

- Phối hợp với các đơn vị tổ chức thành công Hội thảo Khoa học “Nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ - Di sản văn hóa dân tộc” được tổ chức vào ngày 11-12/11/2013 với 3 đơn vị đồng tổ chức: UBND tỉnh Trà Vinh, BCĐ Tây Nam Bộ, VTV Cần Thơ. Hội thảo nhận được 74 bài tham luận của các nhà nghiên cứu, các soạn giả và các nhà quản lý trong cả nước (*trong đó có 70 bài được chọn đăng tài liệu tại hội thảo; 38 bài được chọn đăng trên Tạp chí Khoa học của Trường, số chuyên đề Nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ - Di sản văn hóa dân tộc tháng 3 năm 2014*), với hơn 200 người tham dự;

- Hoàn thành và nghiệm thu đúng tiến độ Dự án biên soạn Bộ từ điển song ngữ Việt - Khmer và Khmer - Việt theo Quyết định số 5871/QĐ-BGDĐT, ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổng kinh phí thực hiện: 5.869.300.000 đồng.

- Phối hợp với Hội đồng Dân tộc Quốc Hội tổ chức thành công Hội nghị tập huấn “Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo thông qua việc dạy và học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long” được tổ chức vào ngày 04 -06/11/2015 với hơn 70 đại biểu tham dự đến từ các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục - Đào tạo của các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Tổ chức các Hội thảo về giảng dạy Ngữ văn Khmer: “Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn Nam Bộ trong tình hình hiện nay” (2016); “Văn hóa và Văn học Nam Bộ trong thời kì hội nhập” (2018); “Văn học các dân tộc thiểu số vùng Nam Bộ - từ truyền thống đến hiện đại” (2019). Các Hội thảo dành được sự quan tâm lớn từ các nhà giáo, các nhà quản lý, các nhà khoa học công bố nghiên cứu và trao đổi về giáo dục vùng đồng bào Khmer.

- Tổ chức thành công Cuộc thi Sáng tác Thơ, Cổ nhạc và Tân nhạc với chủ đề “Trường Đại học Trà Vinh – 15 năm nhìn lại một chặng đường phát triển” với số lượng nhận được gồm 18 bài thơ, 02 tân nhạc và 02 cổ nhạc; Hội nghị Khoa học “Văn hóa Khmer Nam Bộ hình thái, đặc trưng và giá trị” nhận được 10 bài tham luận từ học viên Nghiên cứu sinh khóa 1 đợt 1 năm 2014; Toa đàm khoa học về “Thực trạng và định hướng nghiên cứu ngôn ngữ Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long và tham gia Hội thi tuyên truyền pháp luật về Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ cấp tỉnh năm 2016.

- Tổ chức thành công Diễn đàn Văn nghệ Dân gian các dân tộc Tây Nam Bộ lần I-2016, ngày 15-16/6/2016, với các chuỗi sự kiện gồm: Trưng bày sản phẩm của các nghệ sĩ, nghệ nhân dân gian (*13 gian hàng*); tổ chức buổi giao lưu văn nghệ dân gian; tổ chức Tọa đàm Khoa học với chủ đề: “Nghệ nhân Dân gian – Chân dung và Giá trị” (*hơn 100*

nghệ sĩ, nghệ nhân dân gian tham dự và 20 bài tham luận), và sau cùng là tổ chức Lễ Tôn vinh cho 36 nghệ sĩ, nghệ nhân dân gian, những người đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Trường Đại học Trà Vinh trong thời gian qua.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị, cá nhân sưu tầm và khai trương Tủ sách Văn hóa miền Tây Nam Bộ vào ngày 18/6/2016. Tủ sách Văn hóa Miền Tây được đặt tại Khoa NN-VH-NT Khmer NB, với diện tích rộng, thoáng mát, có hơn 450 tài liệu, 1.800 bản sách trên các mặt thuộc lĩnh vực đời sống xã hội, phong tục, tập quán, kiến trúc, mỹ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng dân gian của các tộc người ở Nam Bộ (Việt, Khmer, Hoa, Chăm).

- Hoàn thành và nghiệm thu đúng tiến độ **03** đề tài NCKH cấp Trường: “*Cổng thông tin bản đồ ngôn ngữ dân tộc học – Trường hợp tỉnh Trà Vinh*” của chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Huệ; “*Phương ngữ tiếng Khmer Đồng bằng Sông Cửu Long: Trường hợp tỉnh Trà Vinh*” của chủ nhiệm đề tài ThS. Nguyễn Thị Thoa, “*Nghiên cứu chế tác mào, mặt nạ múa cổ điển của người Khmer Nam Bộ*” của chủ nhiệm đề tài CN. Sơn Cao Thắng;

- Đã thực hiện **02** đề tài NCKH cấp quốc gia và cấp Bộ về lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật Khmer: đề tài cấp quốc gia “*Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer ở Việt Nam hiện nay*” chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Huệ và đề tài cấp Bộ “*Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ*” chủ nhiệm đề tài PGS.TS Phạm Tiết Khánh;

- Đang thực hiện **01** đề tài NCKH cấp trường: “*Sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian người Khmer tỉnh Trà Vinh*” của chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Kiều Tiên;

- Tổ chức thành công các cuộc thi, hội thảo khoa học: “*Tiếng đàn sinh viên Đại học Trà Vinh*”; Hội thi “*Hùng biện tiếng Khmer cho sinh viên*” ngày 12/11/2016; Hội thảo “*Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở Nam Bộ trong tình hình hiện nay*” ngày 21/11/2016; Hội thảo “*Phương pháp biên soạn từ điển song ngữ*” ngày 13/12/2016; Hội thảo “*Giải pháp xử trí các vấn đề dịch tương đương*”; Hội thảo “*Cách sử dụng từ điển: giấy, online, điện thoại*”;

- Có gần **100** bài báo khoa học, tham luận, ... được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước;

- Giao lưu kết nghĩa và ký bản ghi nhớ với 11 Trường THCS & THPT Dân tộc Nội trú trong và ngoài tỉnh từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

- Phối hợp thực hiện nhiều sự kiện, phóng sự: Đoàn Khảo sát Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Trà Vinh, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đến thăm và làm việc với Trường; Đài Phát thanh Truyền hình Vĩnh Long thực hiện phóng sự chủ đề “*Trường Đại học Trà Vinh – Môi trường học tập thân thiện*”; Tiếp Báo Sài Gòn Giải phóng, Báo Thanh niên, Báo Dân trí, Báo Tuổi trẻ, Báo Giáo dục và Thời đại và các Đài Truyền hình Việt Nam, VTV4, VTV5, ... đến làm việc và thực hiện chương trình, phóng sự bài về về lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật Khmer; ngoài ra còn tiếp đón và làm việc với Ban Dân tộc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh: Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang..

5. Hợp tác quốc tế

Trên cơ sở kế thừa thành quả từ Dự án Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam – Canada, cùng với định hướng phát triển đào tạo theo xu thế hội nhập quốc tế, xác định hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ chiến lược phát triển của nhà trường, nhà trường chủ động, tích cực trong việc thiết lập các mối quan hệ và đã chính thức ký kết, giao lưu hợp tác với gần 100 đối tác nước ngoài thuộc 18 quốc gia trên thế giới, hợp tác ở các lĩnh

vực cụ thể như: Liên kết đào tạo; nghiên cứu khoa học, tổ chức diễn đàn, hội thảo khoa học; tiếp nhận và đưa giảng viên, sinh viên học tập, nghiên cứu; tiếp nhận tình nguyện viên; tiếp nhận các dự án tài trợ từ một số tổ chức giáo dục quốc tế.

II.2. Về chương trình đào tạo

Tên chương trình:	Tôn giáo học
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Tôn giáo học
Mã số:	7229009
Hệ đào tạo:	Chính quy

Đối tượng, điều kiện chỉ tiêu tuyển sinh: Đối tượng và điều kiện tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm đầu, mỗi năm 50 sinh viên.

Đề cương chi tiết đã được xây dựng đầy đủ đảm bảo mục tiêu của chương trình và chuẩn đầu ra, đảm bảo việc triển khai tổ chức đào tạo.

Chương trình đào tạo đã được Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua.

**** Tóm tắt chương trình đào tạo**

*** Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo Tôn giáo học hướng tới mục tiêu đào tạo sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin; về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, và điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Tôn giáo học; đồng thời có khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật cơ sở về Tôn giáo vào hoạt động chuyên môn. Chương trình đào tạo Tôn giáo học cũng đào tạo sinh viên có các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; phản biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; và chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. Chương trình đào tạo Tôn giáo học còn hướng tới mục tiêu đào tạo sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; đồng thời có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. * **Mục tiêu cụ thể:**

2.1. Kiến thức

Khái quát hóa các kiến thức cơ bản của ngành khoa học xã hội nhân văn: tôn giáo học, đạo đức học, lịch sử.

Vận dụng kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và xã hội.

Biện luận kiến thức về đặc trưng văn hoá, dân tộc, tư tưởng của Việt Nam.

Giải thích các kiến thức lý luận cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng thế giới và Việt Nam, quan điểm của các nhà tư tưởng Việt Nam trong lịch sử về tôn giáo, các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng mới ở Việt Nam

Giải thích được những vấn đề của tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó có ý tưởng về việc giải quyết các vấn đề tôn giáo, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước

Đánh giá được các phương pháp luận Mác xít và của các khoa học khác (nhân học, xã hội học, tâm lý học...) trong nghiên cứu tôn giáo.

Phân tích được quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung, pháp luật của nhà nước nói riêng về Tôn giáo; nắm vững chính sách và công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo.

Phát triển các kiến thức tổng quan về tôn giáo ở Việt Nam; kiến thức chuyên sâu về các tôn giáo cụ thể: Phật giáo, Nho giáo, Công giáo, Tin lành giáo và Hồi giáo ở Việt Nam, các tín ngưỡng bản địa của Việt Nam; tôn giáo, tín ngưỡng của tộc người Khmer Nam Bộ ở Việt Nam.

Vận dụng những tri thức cơ bản vào giải quyết các công việc nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến Tôn giáo và đời sống xã hội. Từ đó có thể góp phần giúp các cấp chính quyền làm công tác quản lý tôn giáo, hoạch định, thực hiện chủ trương, chính sách, đề xuất những giải pháp đối với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác, trước hết là liên quan đến tôn giáo và văn hóa tư tưởng

2.2. Kỹ năng

Thực hiện giảng dạy, thuyết trình các vấn đề tôn giáo và liên quan đến tôn giáo.

Phát hiện các vấn đề mang tính khoa học tôn giáo về thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường, văn hóa để nghiên cứu.

Xác định được các vấn đề thực tiễn, xác định các phương pháp nghiên cứu cần vận dụng

Xây dựng đề cương chi tiết để hiện thực hiện kế hoạch nghiên cứu.

Phân biệt các tài liệu nghiên cứu từ tổng quan tài liệu.

Phác họa các giải pháp, khuyến nghị để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.

Tìm kiếm, cập nhật các vấn đề về đời sống tôn giáo hiện nay; từ đó có thể giải quyết các vấn đề cấp bách trong đời sống tôn giáo: khủng hoảng tôn giáo, tôn giáo với vấn đề hội nhập...

Ứng dụng các kết quả nghiên cứu và thực tiễn vào công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo.

Hình dung được các vấn đề và mối quan hệ giữa các vấn đề trong công tác tôn giáo, quản lý tôn giáo.

Nhận thức về bối cảnh của tổ chức và thích ứng với yêu cầu công việc trong các mô hình tổ chức khác nhau (chính phủ, phi chính phủ, doanh nghiệp, trường học, viện nghiên cứu, các cơ quan nhà nước,...)

Kết nối bằng truyền thông trong nội bộ tổ chức, góp phần hình thành văn hóa tổ chức, làm việc thành công trong tổ chức.

Dự đoán xu hướng phát triển của tôn giáo trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa.

Thiết lập mục tiêu cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, nghiệp vụ và quản lý tôn giáo phù hợp với xu thế phát triển.

Tổ chức thực hiện được các kế hoạch liên quan đến công tác tôn giáo.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực tự chủ về chuyên môn đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có năng lực tự phát hiện vấn đề, thích ứng và vận dụng kiến thức đã học trong các môi trường làm việc.

Hình thành lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, yêu nghề; nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực tôn giáo và văn hóa.

Có thái độ tích cực, tự giác trong việc tham gia vào môn học, lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.

Tôn trọng người dạy, tôn trọng bạn học, lắng nghe và tích cực trao đổi ý kiến trong các hoạt động lớp học.

Tham gia cùng với giảng viên, bạn học trong hoạt động đội, nhóm, hoạt động thực tế.

Tự chủ, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có thái độ tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tôn giáo học có thể công tác tại:

✚ Chuyên viên, nghiên cứu viên tại các cơ quan nghiên cứu, quản lý về tôn giáo: Trung tâm Tôn giáo học, Viện nghiên cứu Tôn giáo;

✚ Giảng viên tại các Trường Đại học có đào tạo các ngành Tôn giáo học, Tâm lý học, Triết học, Xã hội học; Văn hóa học;

✚ Chuyên viên tại các cơ quan: Ban Dân tộc; Ban Tôn giáo; Ban Tuyên giáo; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Các cơ sở, cơ quan quản lý về tôn giáo;

✚ Tham gia các công tác tình nguyện, thiện nguyện ở các cơ sở Tôn giáo.

Về trình độ ngoại ngữ, Tin học: Anh văn A2, Có kiến thức và kỹ năng tin học đạt trình độ Tin học ứng dụng cơ bản.

- Phòng Đào tạo của Trường là đơn vị chuyên trách quản lý đào tạo, đã ban hành các quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

II.3. Hội đồng khoa học đào tạo của Trường đã thông qua đề án mở mã ngành đào tạo.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Trà Vinh tại địa chỉ www.tvu.edu.vn.

2. Khoa kính đề nghị Ban Giám hiệu cho mở ngành đào tạo **Tôn giáo học** (mã ngành: 7229009) trình độ đại học.

3. Cam kết triển khai thực hiện: Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa – Nghệ thuật Khmer Nam bộ cam kết triển khai thực hiện ngành đào tạo đúng theo các quy định hiện hành.

KT.HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

TS. Nguyễn Minh Hòa

TS. Nguyễn Thị Huệ

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT. VPK.NNVHNT.